TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG** Số: **83**/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *S, ngày 25 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa:

*** Người yêu cầu**: Ông **Nguyễn Văn T –** Sinh năm: 1973 – Nghề nghiệp: Lái xe - Địa chỉ: K91/10 đường N, tổ 8 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

* **Người yêu cầu:** Bà **Nguyễn Thị Bích T** – Sinh năm: 1972 – Nghề nghiệp: Thợ may - Địa chỉ: K91/10 đường N, tổ 8 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T. *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T nên Giấy chứng nhận kết hôn số 203, quyển số 02/2003 do UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/11/2003 không còn giá trị pháp lý).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T xác định có 03 con chung: Nguyễn Văn T_1 – sinh ngày: 10/11/1995; Nguyễn Văn T_2- Sinh ngày: 15/10/2004 và Nguyễn Hạ Thủy T- Sinh ngày: 19/5/2009. Ly hôn ông T, bà Thủy thỏa thuận giao 02 con chung Nguyễn Văn T_2 và Nguyễn Hạ Thủy T cho bà Nguyễn Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 02 con là 2.000.000 đồng/tháng (1.000.000 đồng/con), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2018, vào ngày 20 hàng tháng. Đối với cháu Nguyễn Văn T_1 đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con chung hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T xác định không có.

- **Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình**: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 8707 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điêu 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TRÂM